

**BÁO CÁO**  
**Tình hình hoạt động hằng năm của doanh nghiệp**

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về việc công bố thông tin của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Công văn số 852/SKHĐT-ĐKKD ngày 13/8/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang về việc công bố thông tin theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Nay, Công ty Công ty TNHH một thành viên Phà An Giang báo cáo tình hình hoạt động hằng năm của doanh nghiệp với nội dung như sau:

- Tên doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phà An Giang.

- Năm báo cáo: 2014.

**I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Những sự kiện quan trọng**

Việc thành lập: Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 02/8/2010 của UBND tỉnh An Giang về việc chuyển đổi Công ty Phà An Giang thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phà An Giang.

Vốn điều lệ: 437 tỷ đồng (Quyết định số 1607/QĐ-UBND ngày 19/9/2012 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt vốn điều lệ và nguồn vốn bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Phà An Giang).

**2. Quá trình phát triển**

Chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Phà An Giang được UBND tỉnh An Giang thành lập để thực hiện mục tiêu chủ yếu, thường xuyên và ổn định là cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước giao kế hoạch hàng năm với ngành nghề kinh doanh chính là vận tải hành khách, hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ ngang sông... góp phần đảm bảo ổn định an sinh xã hội.

Mục tiêu kinh doanh: Phục vụ tốt nhu cầu đi lại của nhân dân qua các bến hiện hữu; cũng như đảm bảo tính an toàn, thuận lợi trong lưu thông của nhân dân trong các huyện cù lao qua các bến khách ngang sông theo tiêu chuẩn bến phà.

Ngành, nghề kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy:

- Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

- Chi tiết: Tổ chức cứu hộ các phương tiện giao thông thủy.



- Chi tiết: Lắp đặt hệ động lực các phương tiện vận tải thủy.

Quy chế hoạt động (các quy chế quản trị nội bộ đã được ban hành):

- Thỏa ước lao động tập thể.
- Nội quy lao động.
- Quy chế quản lý nợ.
- Quy chế quản lý tài chính.
- Quy chế chi tiêu nội bộ.
- Quy chế thực hiện dân chủ tại nơi làm việc.
- Các Quy trình quản lý vật tư; Quy trình bảo trì và sửa chữa máy móc, thiết bị.
- Quy chế đối thoại của người sử dụng lao động với người lao động.
- Kịch bản công tác quản lý, sử dụng lao động và chế độ chính sách lao động, tiền lương đối với người lao động.
- Sắp xếp lại nhân sự, bố trí lại ca kíp phù hợp với đặc điểm của từng bến phà trực thuộc.
- Quy trình hoạt động vận hành khai thác các bến phà có sử dụng phà 1 lượt.
- Quy định về quản lý hoạt động vận tải phà.
- Quy chế công tác văn thư, lưu trữ.
- Quy chế hoạt động của Ban Kiểm thu.
- Quy định về chế độ báo cáo thống kê và quyết toán nhiên liệu.

### 3. Định hướng phát triển

Xây dựng công ty có cơ cấu hợp lý, tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cải tiến quản trị doanh nghiệp nhằm hoàn thành nhiệm vụ sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội, quốc phòng an ninh, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động, bảo toàn và phát triển được vốn tại doanh nghiệp.

## II. BÁO CÁO CHUNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

### 1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

Tổng doanh thu: 150,670 tỷ đồng.

Lợi nhuận: 6,294 tỷ đồng.

Tổng nộp ngân sách: 9,640 tỷ đồng.

### 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

| STT | CHỈ TIÊU   | ĐVT  | KẾ HOẠCH 2014 | THỰC HIỆN 2014 | SỐ SÁNH TH 2014/KH 2014 |
|-----|------------|------|---------------|----------------|-------------------------|
| I   | Sản lượng  |      |               |                |                         |
| 1   | Hành khách | lượt | 30.415.739    | 30.703.642     | 100,95%                 |
| 2   | Hàng hóa   | tấn  | 466.059       | 578.039        | 124,03%                 |



| STT        | CHỈ TIÊU                    | ĐVT         | KẾ HOẠCH 2014  | THỰC HIỆN 2014 | SỐ SÁNH TH 2014/KH 2014 |
|------------|-----------------------------|-------------|----------------|----------------|-------------------------|
| 3          | Xe các loại                 | lượt        | 1.638.333      | 1.834.655      | 111,98%                 |
| <b>II</b>  | <b>Doanh thu</b>            | <b>đồng</b> | <b>145.330</b> | <b>150.670</b> | <b>103,67%</b>          |
| 1          | DT hoạt động                | "           | 136.580        | 140.404        | 102,80%                 |
| 2          | DT HĐTC                     | "           | 7.250          | 8.884          | 122,54%                 |
| 3          | DT khác                     | "           | 1.500          | 1.382          | 92,13%                  |
| <b>III</b> | <b>Lợi nhuận trước thuế</b> | <b>"</b>    | <b>6.000</b>   | <b>6.294</b>   | <b>104,90%</b>          |

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

4. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### 4.1 Thuận lợi

Về phương tiện được nâng cấp, sửa chữa và đầu tư nâng cấp bến bãi nên đảm bảo năng lực vận tải.

Công ty có nguồn tiền mặt tốt nên việc quản lý tài chính dễ phục vụ cho hoạt động chung của đơn vị được thuận lợi.

#### 4.2 Khó khăn

Trạm thu phí cầu Cồn Tiên chấm dứt hoạt động từ ngày 01/08/2014, nên số lao động tại trạm được sử dụng lại tại công ty nhằm bổ sung cho các bến phà để bố trí đảm bảo định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện phà khi cơ cấu lại ca kíp làm việc.

Các phương tiện, thiết bị đến hạn phải đại tu hoặc lên đà sửa chữa định kỳ hầu hết có giá trị lớn (phà 200 tấn, ponton, cầu dẫn).

Công ty luôn phải bù lỗ liên tục cho các bến phà như Ô Môi, Năng Gù, Khánh Bình, Mương Ranch.

Doanh thu: không tăng nhiều nếu chỉ dựa vào tốc độ tăng tự nhiên, vì một số bến phà có sự cạnh tranh rất mạnh như: An Hòa, Năng Gù, Tân An, Mương Ranch.

5. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu):

| TT  | Chỉ tiêu             | ĐVT     | Kế hoạch năm 2015 |
|-----|----------------------|---------|-------------------|
| 1   | Sản lượng            |         |                   |
| 1.1 | Hành khách           | lượt    | 31.747.080        |
| 1.2 | Hàng hóa             | lượt    | 614.910           |
| 1.3 | Xe các loại          | lượt    | 1.776.120         |
| 2   | Tổng doanh thu       | Tỷ đồng | 149,000           |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 6,600             |
| 4   | Nộp ngân sách        | Tỷ đồng | 10,580            |
| 5   | Tổng lao động        | Người   | 593               |



| TT  | Chỉ tiêu             | ĐVT      | Kế hoạch năm 2015 |
|-----|----------------------|----------|-------------------|
| 6   | Tổng quỹ lương       | Tỷ đồng  | 48,530            |
| 6.1 | - Quỹ lương quản lý  | Tỷ đồng  | 1,680             |
| 6.2 | - Quỹ lương lao động | Tỷ đồng. | 46,850            |

### III. BÀN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

#### 1. Về việc báo cáo tài chính

Các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán doanh nghiệp phải tuân thủ.

- Chế độ kế toán áp dụng: Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.

Tình hình kiểm toán nội bộ (có bộ phận kiểm toán hay không): Không có bộ phận kiểm toán nội bộ.

#### 2. Kiểm toán độc lập

Đơn vị kiểm toán độc lập.

Ý kiến kiểm toán độc lập.

Các nhận xét đặc biệt.

#### 3. Kiểm toán nội bộ

Ý kiến kiểm toán nội bộ.

Các nhận xét đặc biệt.

### BIỂU SỐ 1: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM (Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2014)

### IV. CÁC CÔNG TY CON DO DOANH NGHIỆP NẮM TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ

Danh sách các công ty do doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển hạ tầng An Giang.

Tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này.

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này.

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng An Giang trong năm 2014:

- Doanh thu: 72.142 triệu đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 26 triệu đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 26 triệu đồng

**BIỂU SỐ 2: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CON NẴM TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ CỦA DOANH NGHIỆP**

| TT | Tên doanh nghiệp                                                           | Vốn điều lệ<br>(Tỷ đồng) | Tỷ lệ vốn<br>góp của<br>Công ty mẹ<br>• (%) | Tổng vốn đầu<br>tư<br>(Tỷ đồng) |
|----|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------|
| 1  | Các công ty con do Doanh nghiệp<br>nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2)        |                          |                                             |                                 |
| 2  | Các công ty con do Doanh nghiệp<br>nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (cấp<br>2) |                          |                                             |                                 |
|    | Công ty CP Đầu tư và phát triển hạ<br>tầng An Giang                        | 35                       | 71,29%                                      |                                 |

**V. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

**1. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng thành viên)**



BIỂU SỐ 3: THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

| STT                                       | Họ và tên         | Chức danh                  |                                                                      | Trình độ chuyên môn         | Kinh nghiệm nghề nghiệp | Các vị trí quản lý đã nắm giữ                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-------------------------------------------|-------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                           |                   | Chức danh tại doanh nghiệp | Chức danh tại công ty khác (nếu có)                                  |                             |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| I. Hội đồng thành viên (Chủ tịch công ty) | Phạm Châu Hà      | Chủ tịch kiêm Giám đốc     | Chủ tịch hội đồng quản trị Cty CP Dầu tư phát triển hạ tầng An Giang | Kỹ sư Kinh tế xây dựng      |                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phó phòng Kế hoạch Cty Phà An Giang</li> <li>- GD Xí nghiệp Dịch vụ XD Công trình giao thông</li> <li>- Trưởng phòng Kế hoạch Cty TNHH MTV Phà An Giang</li> <li>- PGD Cty TNHH MTV Phà An Giang</li> <li>- GD Cty TNHH MTV Phà An Giang</li> </ul> |
| II. Phó TGĐ hoặc PGĐ                      |                   |                            |                                                                      |                             |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 1                                         | Phạm Văn Thông    | Phó Giám đốc               |                                                                      | Kỹ sư xây dựng cầu đường bộ |                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- PGĐ Cty Vận tải sông biển An Giang</li> <li>- PGĐ Xí nghiệp Phà An Hòa</li> <li>- GD Xí nghiệp phà Châu Giang</li> <li>- PGĐ Cty TNHH MTV Phà An Giang</li> </ul>                                                                                   |
| 2                                         | Trần Văn Thanh Tú | Phó Giám đốc               |                                                                      | Kỹ sư cơ khí động lực       |                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phó phòng Kỹ thuật Cty Phà An Giang</li> <li>- Phó phòng Vật tư Cty Phà An Giang</li> <li>- Trưởng phòng Kỹ thuật Cty Phà An Giang</li> <li>- PGĐ Công ty TNHH MTV Phà An Giang</li> </ul>                                                          |
| 3                                         | Trần Quốc Long    | Phó Giám đốc               |                                                                      | Kỹ sư cơ khí                |                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- PGĐ Xí nghiệp phà An Hòa</li> <li>- Trưởng phòng Kế hoạch Cty TNHH MTV Phà An Giang</li> </ul>                                                                                                                                                      |
| III. Kế toán trưởng                       | Trần Thị Thu Dung | Kế toán trưởng             |                                                                      | Cử nhân kinh tế             |                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- PGĐ Công ty TNHH MTV Phà An Giang</li> <li>- Kế toán trưởng Phà An Hòa</li> <li>- Kế toán trưởng Cty TNHH MTV Phà An Giang</li> </ul>                                                                                                               |



## 2. Ban kiểm soát/Kiểm soát viên

- Kiểm soát viên chuyên trách: Phan Hữu Hiền.
- Kiểm soát viên kiêm nhiệm: Vương Đại Dương.

## 3. Thù lao và lợi ích của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Phó giám đốc.

| STT       | Chỉ tiêu                                    | ĐVT        | Thực hiện 2014 |
|-----------|---------------------------------------------|------------|----------------|
| <b>I</b>  | <b>Viên chức quản lý chuyên trách</b>       |            |                |
| 1         | Số viên chức quản lý chuyên trách           | người      | 6              |
| 2         | Hạng công ty được xếp                       |            | I              |
| 3         | Hệ số lương bình quân                       |            | 6,26           |
| 4         | Quỹ tiền lương                              | triệu đồng | 1.680          |
| 5         | Quỹ tiền thưởng                             | triệu đồng | -              |
| 6         | Tổng thu nhập                               | triệu đồng | -              |
| 7         | Tiền lương bình quân/tháng                  | triệu đồng | 23,333         |
| 8         | Thu nhập bình quân/tháng                    | triệu đồng | -              |
| <b>II</b> | <b>Viên chức quản lý không chuyên trách</b> |            |                |
| 1         | Số viên chức quản lý không chuyên trách     | người      | 1              |
| 2         | Quỹ thù lao                                 | triệu đồng | 55,2           |
| 3         | Quỹ tiền thưởng                             | triệu đồng | -              |
| 4         | Tổng thu nhập                               |            | -              |
| 5         | Mức thù lao bình quân/tháng                 | triệu đồng | 4,600          |
| 6         | Thu nhập bình quân/tháng                    | triệu đồng | -              |

## 4. Các chính sách bảo đảm trách nhiệm của đội ngũ quản lý

## 5. Về quản lý rủi ro

## 6. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

**BIỂU SỐ 4: BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN**

| Số TT     | Chỉ tiêu                       | Đơn vị tính | Năm trước liền kề năm báo cáo (2014) |           | Năm báo cáo (2015) |
|-----------|--------------------------------|-------------|--------------------------------------|-----------|--------------------|
|           |                                |             | Kế hoạch                             | Thực hiện | Kế hoạch           |
| (1)       | (2)                            | (3)         | (4)                                  | (5)       | (6)                |
| <b>I</b>  | <b>Hạng công ty được xếp</b>   |             |                                      |           |                    |
| <b>II</b> | <b>Tiền lương của lao động</b> |             |                                      |           |                    |
| 1         | Lao động                       | Người       | 604                                  | -         | 593                |

| Số TT      | Chỉ tiêu                                                         | Đơn vị tính    | Năm trước liền kề năm báo cáo (2014) |           | Năm báo cáo (2015) |
|------------|------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------|-----------|--------------------|
|            |                                                                  |                | Kế hoạch                             | Thực hiện | Kế hoạch           |
| 2          | Mức tiền lương bình quân                                         | 1.000đ/tháng   | 6.408                                | 6.572     | 6.584              |
| 3          | Quỹ tiền lương                                                   | Tr.đồng        | 46.448                               | 46.448    | 46.850             |
| 4          | Quỹ tiền lương                                                   | Tr.đồng        |                                      |           |                    |
| 5          | Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động | Tr.đồng        |                                      |           |                    |
| 6          | Thu nhập bình quân                                               | 1.000đ/tháng   |                                      |           |                    |
| <b>III</b> | <b>Tiền lương của người quản lý (chuyên trách)</b>               |                |                                      |           |                    |
| 1          | Số người quản lý doanh nghiệp                                    | Người          | 6                                    | 6         | 6                  |
| 2          | Mức lương cơ bản bình quân                                       | Tr. đồng/tháng |                                      |           |                    |
| 3          | Quỹ tiền lương                                                   | Tr.đồng        | 1.680                                | 1.680     | 1.680              |
| 4          | Mức tiền lương bình quân                                         | Tr.đồng/tháng  | 23,333                               | 23,333    | 23,333             |
| 5          | Quỹ tiền thưởng                                                  |                |                                      |           |                    |
| 6          | Tiền thưởng, thu nhập                                            | Tr.đồng        |                                      |           |                    |
| 7          | Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý                     | Tr.đồng/tháng  |                                      |           |                    |
|            |                                                                  |                |                                      |           |                    |



**BIỂU SỐ 5: TÌNH HÌNH SÁP XẾP, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP**

| BIỂU SO 5: TÌNH HÌNH SÁP XẾP, ĐỐI MỐI DOANH NGHIỆP |                                                                |            |                              |                 |                       |                          |                               |                                |        |                    |               |                            |      |                                                       |                  |         |
|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------|------------------------------|-----------------|-----------------------|--------------------------|-------------------------------|--------------------------------|--------|--------------------|---------------|----------------------------|------|-------------------------------------------------------|------------------|---------|
| Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo                  |                                                                |            |                              |                 |                       |                          |                               |                                |        |                    |               |                            |      |                                                       |                  |         |
| TT                                                 | Tên doanh nghiệp .                                             | Giữ nguyên | Thoái vốn                    |                 | CPH                   |                          |                               |                                |        |                    |               | Các hình thức khác         |      | Tỷ lệ Nhà nước dự kiến nắm giữ sau sắp xếp, thoái vốn | KH năm tiếp theo | Ghi chú |
|                                                    |                                                                |            |                              |                 |                       |                          |                               |                                |        |                    |               |                            |      |                                                       |                  |         |
|                                                    |                                                                |            | Hoàn thành trong năm báo cáo | Chưa hoàn thành | Thành lập Ban chỉ đạo | Đang xác định giá trị DN | Quyết định công bố giá trị DN | Quyết định phê duyệt phương án | Đã IPO | Đại hội đồng lần 1 | Tên hình thức | Đã có quyết định phê duyệt |      |                                                       |                  |         |
|                                                    | (1)                                                            | (2)        | (3)                          | (4)             | (5)                   | (6)                      | (7)                           | (8)                            | (9)    | (10)               | (11)          | (12)                       | (13) | (14)                                                  | (15)             |         |
| I                                                  | Công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ- con (cấp 1)               |            |                              |                 |                       |                          |                               |                                |        |                    |               |                            |      |                                                       |                  |         |
| 1                                                  | Các công ty con do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2) |            |                              |                 |                       |                          |                               |                                |        |                    |               |                            |      |                                                       |                  |         |
| 2                                                  | Các công ty con do Công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối (cấp 2) |            |                              |                 |                       |                          |                               |                                |        |                    |               |                            |      |                                                       |                  |         |
| 3                                                  | Các công ty liên kết(cấp 2)                                    |            |                              |                 |                       |                          |                               |                                |        |                    |               |                            |      |                                                       |                  |         |



| TT  | Tên doanh nghiệp                          | Giữ nguyên | Thoái vốn                    |                 | Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo |                          |                               |                                |        |                            |               |                            | Tỷ lệ Nhà nước dự kiến năm giữ sau sắp xếp, thoái vốn | KH năm tiếp theo | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------|------------|------------------------------|-----------------|-----------------------------------|--------------------------|-------------------------------|--------------------------------|--------|----------------------------|---------------|----------------------------|-------------------------------------------------------|------------------|---------|
|     |                                           |            |                              |                 | CPH                               |                          |                               |                                |        |                            |               |                            |                                                       |                  |         |
|     |                                           |            | Hoàn thành trong năm báo cáo | Chưa hoàn thành | Thành lập Ban chỉ đạo             | Đang xác định giá trị DN | Quyết định công bố giá trị DN | Quyết định phê duyệt phương án | Đã IPO | Đại hội đồng cổ đông lần 1 | Tên hình thức | Đã có quyết định phê duyệt |                                                       |                  |         |
|     | (1)                                       | (2)        | (3)                          | (4)             | (5)                               | (6)                      | (7)                           | (8)                            | (9)    | (10)                       | (11)          | (12)                       | (13)                                                  | (14)             | (15)    |
| II  | Các Công ty TNHH MTV do NN làm chủ sở hữu |            |                              |                 |                                   |                          |                               |                                |        |                            |               |                            |                                                       |                  |         |
| I   | Công ty TNHH MTV Phà An Giang             |            |                              |                 |                                   |                          |                               |                                |        |                            |               |                            | 51% - 65%                                             |                  |         |
| III | Các công ty có vốn góp của Nhà nước       |            |                              |                 |                                   |                          |                               |                                |        |                            |               |                            |                                                       |                  |         |

#### VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (nếu có) /.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, KH.



Phạm Châu Hà